| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2020/DS-PT
Ngày 11 - 5 - 2020
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Cao Thị Túy Giang

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Trung Trực

Ông Lê Thanh Danh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Chúc Ly- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐ-PT ngày14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*

+ Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1948

+ Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1936

+ Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp Cái T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 64, đường Lê L, Khóm 5, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H, ông Nguyễn Hữu Q, bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Kim X:* Anh Lê Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 535, đường Trưng T, Khóm 5, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

*- Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1954 (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Mương Đ, xã Tạ A, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1983 (có mặt)

+ Chị Nguyễn Hồng C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Toàn T, xã Vĩnh H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lâm Quang A, sinh năm 1974 (có mặt)

2. Chị Lâm Bích N, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3. Anh Lâm Ái H, sinh năm 1997 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Cái T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông Nguyễn Hữu P (chết năm 1998)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu P:*

5.1. Bà Lê Thị T (vắng mặt)

5.2. Chị Nguyễn Thị Đ (vắng mặt)

5.3. Chị Nguyễn Mộng D (vắng mặt)

5.4. Chị Nguyễn Ngọc B (vắng mặt)

5.5. Anh Nguyễn Thành L (vắng mặt)

5.6. Anh Nguyễn Hữu T1 (vắng mặt)

Cùng đại chỉ: Ấp Toàn T, xã Vĩnh H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

20. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, ấp T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc P, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai tại tòa án, anh Lê Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Hữu Q trình bày*: Phần diện tích 894,4 $m^2$ đất tọa lạc tại ấp Cái T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu là phần di sản của cụ Nguyễn Thanh T và cụ Trương Thị B chết để lại. Khi cụ T và cụ B chết không để lại di chúc, phần đất này do bà Nguyễn Kim H và anh Lâm Quang A đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên ông Nguyễn Hữu T là con ruột và anh Nguyễn Hữu T1 là cháu ruột của cụ T và cụ B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (một quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị U; một quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Hồng C). Nay bà H, bà C, bà X và ông Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã

cấp cho vợ chồng ông T và vợ, chồng anh T1, đồng thời yêu cầu được chia thừa kế đối với phần di sản trên.

*Theo đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị U là anh Nguyễn Hữu T2 trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha ông T là cụ Nguyễn Thanh T và mẹ là cụ Trương Thị B tự khai phá. Từ nhỏ ông T đã sống cùng cha mẹ đến khi cha mẹ ông T mất thì để lại phần đất 894,4m$^2$ đất tọa lạc tại ấp Cái T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cho ông T và anh ruột của ông T là ông Nguyễn Hữu P quản lý sử dụng cho đến nay. Khi cho thì các anh, chị, em trong gia đình ông T không có ai có ý kiến phản đối. Sau đó vợ chồng ông T về tỉnh Cà Mau để sinh sống và để miếng đất là nền trống, đến năm 2011 vợ chồng ông T về làm thủ tục đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các anh em là bà H, bà X, bà C, ông Q đều đồng ý thống nhất ký tên cho vợ chồng ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2013, vợ chồng ông T tách thửa cho con của ông P là anh Nguyễn Hữu T1 và vợ là Nguyễn Hồng C đứng tên 428m$^2$. Khi cụ T và cụ B chết thì trên nền đất còn một căn nhà ông T ở trên đất, khi vợ chồng ông T chuyển về Cà Mau sống *(cách nay hơn 20 năm)* thì ông T dỡ căn nhà bỏ, ông Lâm Quang A là con bà H về cất nhà lại trên đất *(khi cất xong ông T mới biết)* và sau đó bà H cùng về ở cho đến nay. Vì do chưa có nhu cầu sử dụng đất, nên ông đã cho cháu ruột là anh Lâm Quang A mượn ở nhưng sau này xảy ra tranh chấp. Nay bà Nguyễn Kim H, Nguyễn Kim C, Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Hữu Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà U; anh T1, chị C và yêu cầu chia di sản thừa kế là 894,4 m$^2$ đất tọa lạc tại ấp Cái T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu thì ông T, bà U không đồng ý vì phần đất này khi còn sống cụ T và cụ B đã cho ông T và ông P. Ngoài ra ông T, bà U không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Theo đồng bị đơn anh Nguyễn Hữu T1 đồng thời cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan trong vụ án là trình bày:* Anh thống nhất nguồn gốc đất là của ông bà nội anh cụ T, cụ B tuy nhiên khi cụ T, cụ B còn sống đã cho chú anh là ông Nguyễn Hữu T và cha anh là ông Nguyễn Hữu P nên nay bà H, bà X, bà C và ông Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh và vợ chồng ông T đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất đất đang tranh chấp là anh không đồng ý. Ngoài ra anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Quang A trình bày:* Từ nhỏ đến lớn anh ở chung với cụ T, cụ B, khi cụ T, cụ B chết anh đã dỡ căn nhà cũ và dựng căn nhà mới để ở và thờ cúng cụ T, cụ B cho đến nay. Khi ông T và anh T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không biết cho đến khi xảy ra tranh chấp anh mới biết. Anh thống nhất yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông T, vợ chồng anh T1 và yêu cầu chia di sản thừa kế của các đồng nguyên đơn. Tuy nhiên anh yêu cầu nếu chia thừa kế thì phải trả tiền công quản lý ghìn giữ di sản là 10.000.000 đồng; công bồi đắp tôn tạo là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 30.000.000 đồng vì quá trình ở trên đất hằng năm anh đều có tôn tạo, bồi đắp phần di sản trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Bích N trình bày:* Chị N thống nhất theo ý kiến của anh Lâm Quang A chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Ái H trình bày:* Anh H thống nhất theo ý kiến của anh Lâm Quang A, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Từ những nôi dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế đối với diện tích theo đo đạc thực tế là 876,2m$^2$ tại thửa số 132, tờ bản đồ số 20 đất tọa lạc tại ấp Cái T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu của bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Hữu Q đối với ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Hữu T1 và chị Nguyễn Hồng C.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lâm Quang A và chị Lâm Bích N về việc trả tiền công quản lý gìn giữ di sản; công bồi đắp tôn tạo 30.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, Luật thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/10/2019, bà Nguyễn Kim H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa toàn bộ Bản án số 28/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu; hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu T diện tích 876,2m$^2$, tờ bản đồ số 20, thửa số 132, tọa lạc tại ấp Cái T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu T1 được cấp 2013; giải quyết chia thừa kế tài sản của ông T, bà B chết để lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim H, giữ nguyên Bản sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Kim H nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Kim H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về tài sản tranh chấp là phần đất có diện tích 894,4 $m^2$ (theo đo đạc thực tế là 876,2 $m^2$) tại thửa số 132, tờ bản đồ số 20 đất tọa lạc tại ấp Cái T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu. Các đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thanh T và cụ Trương Thị B khai phá từ trước năm 1975. Phần đất này ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011. Năm 2013 thì tách cấp cho anh Nguyễn Hữu T1, chị Nguyễn Hồng C diện tích 428$m^2$.

[3.2] Cụ T chết năm 1997, cụ B chết năm 1992, không để lại di chúc. Căn cứ theo quy định tại Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ T, cụ B gồm có: Bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Kim X, ông Nguyễn Hữu Q, ông Nguyễn Hùng D, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu P. Do ông Nguyễn Hữu P chết năm 1998 nên người thừa kế của ông P gồm vợ là bà Lê Thị T, các con gồm: Chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Mộng D, anh Nguyễn Hữu T1, chị Nguyễn Ngọc B, chị Nguyễn Thành L.

[3.3] Điều 648 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định về thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế là 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Do đó, thời hiệu chia di sản thừa kế là 10 năm kể khi cụ Nguyễn Thanh Tg chết năm 1997 đến năm 2007, trong thời hạn chia di sản thừa kế 10 năm, hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ B không phát sinh tranh chấp. Đồng thời, từ khi cụ Tùng chết cho đến hết thời hiệu chia di sản thừa kế thì những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của cụ T, cụ B không có ai ở trên đất tranh chấp. Do đó, việc ông Nguyễn Hữu T đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/7/2011 là đã hết thời hiệu chia di sản thừa. Đến ngày 06/3/2013, ông T tặng cho 01 phần đất tranh chấp cho anh Nguyễn Hữu T1, chị Nguyễn Hồng C và anh, chị được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật. Hơn nữa, nguyên đơn thừa nhận ngày 16/10/2015 (chưa phát sinh tranh chấp), chính các đồng nguyên đơn lập biên bản và ký xác nhận quyền sử dụng hợp pháp của ông T đối với đất tranh chấp. Ngày 16/10/2015, anh Lâm Quang A ký văn bản xác nhận sự việc anh Ái ở trên đất tranh chấp là do anh mượn đất của ông T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp đã thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các bị đơn, không còn là di sản của cụ T, cụ B, nên Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim H và các đồng nguyên đơn về việc chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích theo đo đạc thực tế là 876,2$m^2$ tại thửa số 132, tờ bản đồ số 20 đất tọa lạc tại ấp Cái T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim H, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim H phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 648, Điều 679 Bộ luật dân sự năm 1995; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Hữu Q đối với ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Hữu T1 và chị Nguyễn Hồng C về việc chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích theo đo đạc thực tế là 876,2m$^2$ tại thửa số 132, tờ bản đồ số 20 đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lâm Quang A và chị Lâm Bích N về việc trả tiền công quản lý, gìn giữ di sản, công bồi đắp tôn tạo 30.000.000 đồng.

3. Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp: Bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Hữu Q phải cùng chịu 800.000 đồng. (Đã nộp xong)

4.Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Hữu Q phải chịu 300.000 đồng. Bà H, bà C, bà X và ông Q đã nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng tại các Biên lai thu số 0003686 ngày 17/10/2017 và Biên lai thu số 0014497 ngày 05/11/2018 nay được đối trừ 300.000 đồng. Bà Huê, bà Chi, bà Xuân và ông Quỳ được hoàn lại 300.000 đồng.

Anh Lâm Quang A và chị Lâm Bích N phải chịu 1.500.000 đồng. Anh A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 750.000 đồng tại Biên lai thu số 0014498 ngày 05/11/2018 được đối trừ 750.000 đồng. Anh A và chị N còn phải nộp thêm 750.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim H phải chịu 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005826

ngày 30/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Cao Thị Túy Giang**

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.